

Bản án số: 109/2024/DS-PT
Ngày: 20 – 6 – 2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85A/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn P -Luật sư thuộc Công ty L1; Địa chỉ: F N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND huyện H, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu K, chức vụ: Chủ tịch UBND.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện H (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2022 – có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số D đường L, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thúy V1, chức vụ: Công chức địa chính thị trấn (văn bản ủy quyền ngày 17/8/2022 – có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường Q, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950. (có đơn vắng mặt)

4. Ông Võ Văn B, sinh năm 1974. (có đơn xét xử vắng mặt)

5. Anh Võ Thanh S, sinh năm 1988. (có mặt)

6. Anh Võ Thanh T1, sinh năm 1986. (có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, H. H, Bình Định.

7. Bà Võ Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

8. Chị Võ Thị Thanh T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của chị T2: Ông Võ Thanh T (văn bản ủy quyền ngày 23/11/2021 – có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, H. H, Bình Định.

9. Ông Phan Văn D, sinh năm 1956. (có đơn xét xử vắng mặt)

10. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1963. (có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

11. Bà Phan Thị R, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

12. Bà Phan Thị T3, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

13. Bà Phan Thị T4, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn K, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

14. Bà Phan Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có đơn xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Nguyên thừa đất tranh chấp là đất của ông bà để lại cho cha bà sử dụng, sau khi cha bà chết thì bà tiếp tục sử dụng trồng hoa màu và một số cây lâu niên. Đến năm 1997, nhà nước làm thủ tục cấp cho gia đình ông Võ Thanh L (cha ông Võ Thanh T), gia đình bà không biết; nhưng bà là người trực tiếp sử dụng thửa đất đó; đến năm 2019, ông T5 ngăn cản không cho bà sử dụng thửa đất. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết để ông T trả lại thửa đất cho bà.

Bị đơn ông Võ Thanh T trình bày:

Năm 1997, gia đình ông được nhà nước cân đối giao QSDĐ theo Nghị định 64/CP, trong đó có đất ở, đất vườn và thửa đất màu số hiệu 518 tờ bản đồ 2, diện tích 880m² tại thôn T, TT. T Sau khi được cấp giấy chứng nhận, gia đình ông không biết cụ thể nên không sử dụng, gia đình bà N sử dụng trồng hoa màu. Đến năm 2003, gia đình biết thửa đất đó thuộc quyền sử dụng của gia đình nên yêu cầu bà N không được sản xuất, nhưng bà N không chấp nhận; cha của ông khiếu nại, U giải quyết công nhận QSDĐ là của gia đình ông, nhưng bà N vẫn tiếp tục sử dụng. Đến năm 2019, ông ngăn cản không cho bà N sử dụng đất, nên bà N khởi kiện yêu cầu ông trả lại thửa đất cho bà N, gia đình ông không chấp nhận, vì thửa đất thuộc QSD hợp pháp của gia đình ông. Đối với 03 cây dừa và 02 cây mít của bà N có trên đất, trước đây địa phương yêu cầu hai bên thương lượng bồi thường, nhưng bà N không đồng ý; nay ông thống nhất bồi thường cho bà N theo quy định của pháp luật.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của UBND TT. Tăng Bạt H3 và UBND huyện H trình bày:* Thửa đất có số hiệu 518 tờ bản đồ 2, diện tích 880m² tại thôn T, TT, huyện H, là thửa đất màu, thuộc diện nhà nước quản lý, cha của bà N là ông Phan S1 sử dụng trồng hoa màu; đến năm 1997, nhà nước cân đối giao QSDĐ cho hộ gia đình, thì hộ của ông Phan S1 không đủ điều kiện, nên UBND huyện H cân đối giao quyền QSD cho hộ ông Võ Thanh L (cha ông T), vì hộ ông L đông nhân khẩu, việc cân đối giao cho ông L thửa đất màu đó là đúng quy chuẩn về diện tích; nhưng bà Phan Thị N vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2003, gia đình ông L có đơn khiếu nại, U giải quyết, công nhận thửa đất đó là của hộ ông L, nhưng bà N sử dụng là chiếm dụng đất của ông L. Do vậy U và UBND huyện H không chấp nhận yêu cầu của bà N, vì không có cơ sở.

- *Bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà là vợ của ông Võ Thanh L (ông L đã chết) và là mẹ của ông Võ Thanh T nên bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Võ Thanh T không bổ sung gì thêm.

- Ông Võ Văn B, Võ Thanh S, Võ Thanh T1, Võ Thị H, Võ Thị Thanh T2 uỷ quyền cho ông Võ Thanh T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bị đơn ông Võ Thanh T, không bổ sung gì thêm.

- Ông Phan Văn D, Phan Văn H1, Phan Thị R, Phan Thị T3, Phan Thị H2, Phan Thị T4 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị N, thửa đất đang tranh chấp là của ông bà để lại, bà N là người trực tiếp sử dụng không có ai tranh chấp, nay ông T ngăn cản không cho bà N sử dụng là không đúng, nên yêu cầu gia đình ông T phải trả lại thửa đất để bà N sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85A/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Thanh T trả lại thửa đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Võ Thanh L (cha ruột ông T) ngày 19/12/1997, tại thửa đất có số hiệu 518 tờ bản đồ 2 diện tích 880m² (đất màu) tọa lạc tại KP. Thanh T, TT. Tăng Bạt H3, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Ông Võ Thanh T phải giao cho bà Phan Thị N 777.000đ về khoản tiền hỗ trợ để bà N chặt 03 cây dừa và 02 cây mít; bà Phan Thị N phải có trách nhiệm khai thác, chặt 03 cây dừa, 02 cây mít có trong thửa đất số hiệu 518 tờ bản đồ 2, tại KP. Thanh T, TT. Tăng Bạt H3, huyện H, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 15/8/2023 nguyên đơn bà Phan Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại thửa đất 518 của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án Dân sự: Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị N. Tuy nhiên, cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán giá trị tài sản trên đất cho phù hợp với biên bản định giá của Tòa án cấp phúc thẩm, đồng thời tại phiên tòa bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn 50.000.000đ nếu nguyên đơn có thiện chí trả lại đất nhưng nguyên đơn không chấp nhận trả lại đất nên không cần thiết phải ghi nhận sự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị M, ông Võ Văn B, anh Võ Thanh T1, bà Võ Thị H, ông Phan Văn D,

ông Phan Văn H1, bà Phan Thị R, bà Phan Thị T3, UBND thị trấn T, UBND huyện H đã được triệu tập hợp lệ lần hai ông Bùi Văn P vắng mặt không có lý do còn các đương sự khác đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Phan Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất tranh chấp số hiệu 518, tờ bản đồ 2, diện tích 880m² (loại đất màu) tọa lạc tại khu phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là đất của ông Phan S1 (cha bà N), ông Phan S1 sử dụng trồng hoa màu. Đến năm 1993, thực hiện theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp cho từng hộ gia đình tại địa phương, qua cân đối nhân khẩu trên diện tích quy chuẩn, hộ gia đình ông Phan S1 (gồm 4 nhân khẩu) đã nhận đủ diện tích đất theo quy định nên UBND thị trấn T đã cân đối giao thửa đất 518 của gia đình ông Phan S1 cho hộ ông Võ Thanh L (gồm 7 nhân khẩu) việc cân đối giao đất được đăng ký vào sổ địa chính do địa phương quản lý (BL 98) và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Thanh L (cha ruột ông T) ngày 19/12/1997. Đồng thời năm 2003, gia đình ông L có đơn khiếu nại gia đình bà N sử dụng thửa đất 518 của gia đình ông L và U đã có quyết định giải quyết khiếu nại có nội dung công nhận thửa đất 518 là của hộ ông L, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện UBND thị T và UBND huyện H đều xác định thửa đất đang tranh chấp đã được cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông L là đúng quy định pháp luật không chấp nhận việc đòi lại đất của bà N. Do đó, HĐXX xét thấy thửa đất số hiệu 518 được UBND huyện H giao quyền sử dụng cho hộ ông Võ Thanh L đúng quy định pháp luật, nên bà N yêu cầu ông T trả lại thửa đất 518 là không có cơ sở chấp nhận.

Ngược lại để chứng minh thửa đất tranh chấp là của mình, bà N cung cấp sổ theo dõi của thôn T, thị trấn T (bút lục 84) và cho rằng sổ theo dõi thể hiện tại thời điểm cân đối giao quyền theo nghị định 64 thửa đất 518 tục danh là đám gò đá diện tích 1.087m² nhưng sổ mục kê (bút lục 98) thể hiện thửa đất 518 tục danh vườn ông N1, diện tích 880m² là có sự mâu thuẫn, và bà N cho rằng thửa đất tục danh gò đá có vị trí phía sau thửa đất đang tranh chấp. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xác minh và tại biên bản xác minh ngày 24/5/2024 thì UBND thị trấn T xác định bà N cung cấp sổ theo dõi của thôn T không ghi ngày tháng, không có người lập ký xác nhận, không có lưu trữ tại UBND thị trấn T nên không có cơ sở pháp lý. Bà N chỉ thửa đất phía sau thửa đất tranh chấp và cho rằng đây mới là thửa đất 518 diện tích 880m² tục danh gò đá cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Võ L, thực tế theo bản đồ năm 1997, tờ bản đồ 02 thì thửa đất này có tục danh là vườn chài, diện tích 6.800m², năm 1993 đã giao quyền sử dụng cho hộ bà Lê Thị T6 một phần thửa đất mà bà N đã chỉ. Còn thửa đất 518, diện tích 880m² loại đất màu tục danh vườn ông N1 cấp cho hộ ông Võ Thanh L theo giấy chứng nhận ngày 19/12/1997 là phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận hiện đang lưu trữ tại UBND thị trấn T (ông N1 với ông S1 là

một người) và theo bản đồ địa chính năm 1997 thì chỉ có một thửa đất 518 cấp cho hộ ông L. Do đó, bà N cho rằng thửa đất 518 cấp cho hộ ông L là thửa khác không phải thửa đất 518 ghi trên giấy chứng nhận cấp cho hộ ông Võ L là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm bà N có đơn yêu cầu tính công sức gìn giữ bảo quản cho bà nếu tòa không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất cho bà, HĐXX xét thấy tại cấp sơ thẩm bà không yêu cầu giải quyết vấn đề này và thửa đất 518 là thửa đất cấp cho hộ gia đình ông Võ Thanh L nhưng gia đình đình bà vẫn canh tác thu hoạch hoa lợi và lợi tức trên thửa đất này, đồng thời gia đình ông L đã tranh chấp đòi lại thửa đất và chính quyền địa phương cũng đã yêu cầu gia đình bà trả lại đất từ năm 2007 nhưng bà không chấp hành nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tính công sức gìn giữ bảo quản cho bà của bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Võ Thanh T tự nguyện hỗ trợ cho bà N 50.000.000đ tiền công sức bà N gìn giữ, bảo quản thửa đất mà không có điều kiện gì với bà N. Do đó, hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông T.

[3] Đối với tài sản của gia đình ông Phan S1 còn trên đất: Trong thời gian ông Phan S1 sử dụng thửa đất thì có trồng một số cây ăn quả như dứa, mít. Tại thời điểm giao QSDĐ thì chính quyền địa phương cũng chưa giải quyết vấn đề này, hai bên cũng chưa tự thỏa thuận bồi thường. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/01/2024 và biên bản định giá ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, tại thời điểm định giá trên thửa đất có 03 cây mít có quả giá trị 1.500.000đ, 03 cây dứa có quả giá 2.835.000đ. Tổng cộng là 4.335.000đ. Các cây dứa và mít đã lâu năm nên không thể di dời, tại phiên Tòa ông T tự nguyện đồng ý thối lại giá trị cây trồng cho bà N. Do đó, ông Võ Thanh T có nghĩa vụ thối lại giá trị 4.335.000đ cho bà Phan Thị N để được sở hữu 03 cây mít và 03 cây dứa.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị N đề nghị sửa bản án sơ thẩm buộc ông T trả lại thửa đất 518 cho gia đình bà Phan Thị N là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N. Tuy nhiên cần sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán giá trị tài sản các cây trồng trên đất cho phù hợp với biên bản định giá của Tòa án cấp phúc thẩm, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông T cho bà N 50.000.000đ tiền công sức bà N gìn giữ, bảo quản thửa đất.

[5] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm 7.000.000đ (01 lần) và tại cấp phúc thẩm 14.000.000đ (02 lần). Tổng cộng 21.000.000đ bà Phan Thị N phải chịu đã nộp xong.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000đ. Ông Võ Thanh T phải chịu 300.000đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị N không phải chịu.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị N. Tuy nhiên, cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán giá trị tài sản trên đất cho phù hợp với biên bản định giá của Tòa án cấp phúc thẩm, đồng thời tại phiên tòa bị đơn tự nguyện hỗ trợ cho nguyên đơn 50.000.000đ nếu nguyên đơn có thiện chí trả lại đất nhưng nguyên đơn không chấp nhận trả lại đất nên không cần thiết phải ghi nhận sự thỏa thuận là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 166, 168, 170 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị N. Sửa bản án sơ thẩm số 85A/2023/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N yêu cầu bị đơn ông Võ Thanh T trả lại thửa đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00830 QSDĐ/C9 ngày 19/12/1997 cho hộ ông Võ Thanh L (cha ruột ông T), tại thửa đất có số hiệu 518, tờ bản đồ 2 diện tích 880m² (đất màu) tọa lạc tại KP. Thanh T, TT. Tăng Bạt H3, huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Ông Võ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị N 4.335.000đ để được sở hữu 03 cây mít, 03 cây dứa có trên thửa đất số hiệu 518 tờ bản đồ 2, tại KP. Thanh T, TT. Tăng Bạt H3, huyện H, tỉnh Bình Định.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thanh T hỗ trợ cho bà Phan Thị N 50.000.000đ (tiền công sức bà N gìn giữ, bảo quản thửa đất 518)

5. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm 7.000.000đ và tại cấp phúc thẩm 14.000.000đ (hai lần). Tổng cộng 21.000.000đ bà Phan Thị N phải chịu (đã nộp xong).

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị N phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 00829 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Ông Võ Thanh T phải chịu 300.000đ.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị N không phải chịu H4 lại cho bà N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00567 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án huyện H.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

8.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng